ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ YẾT KIÊU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 620 /BC-UBND	*Xã Yết Kiêu, ngày 11 tháng 11 năm 2026*

BÁO CÁO
Kết quả việc áp dụng, duy trì, cải tiến Hệ thống Quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại UBND xã Yết Kiêu năm 2026

Thực hiện Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (HTQLCL) theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.

UBND xã Yết Kiêu báo cáo Kết quả việc áp dụng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại UBND xã Yết Kiêu năm 2026 cụ thể như sau:

I. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai thực hiện áp dụng, duy trì, cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 *(Ban hành văn bản phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo).*

Ban lãnh đạo UBND xã xác định việc thực hiện nhiệm vụ duy trì, áp dụng và cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 là nhiệm vụ thường xuyên của đơn vị. Phấn đấu đạt được các mục tiêu về quản lý, cải cách quá trình giải quyết TTHC nhằm phục vụ tốt hơn cho người dân. Ban lãnh đạo UBND xã cam kết tạo điều kiện tốt nhất và cung cấp đầy đủ các nguồn lực cho việc duy trì áp dụng ISO 9001:2015. Phân công nhiệm vụ đến từng thành viên của Ban chỉ đạo ISO nhằm đạt được các mục tiêu đã đề ra. Hàng năm Ban chỉ đạo ISO ban hành kế hoạch triển khai và duy trì áp dụng HTQLCL trong năm, đặt ra các nội dung cần phải thực hiện và phấn đấu thực hiện đúng, đủ, và có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng. Căn cứ vào tình hình thực tế việc áp dụng và duy trì HTQLCL, UBND xã và Ban chỉ đạo ISO xã xác định và ban hành mục tiêu chất lượng hàng năm, làm căn cứ cho việc tổ chức triển khai xây dựng, áp dụng và duy trì HTQLCL. Các văn bản đã ban hành như sau:

- Quyết định số 1028/QĐ-UBND, ngày 14/10/2026 của Chủ tịch UBND xã Yết Kiêu về việc thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Uỷ ban nhân dân xã Yết Kiêu, bảo đảm sự tham gia của lãnh đạo, các phòng

chuyên môn, đơn vị và cá nhân có liên quan trong quá trình duy trì, áp dụng và cải tiến Hệ thống.

- Kế hoạch số 92/KH-UBND, ngày 27/3/2026 về việc Triển khai xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến và công bố Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của UBND xã Yết Kiêu năm 2026

Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 Về việc ban hành áp dụng các tài liệu thuộc Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 năm 2026

Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 28/3/2026 về việc Kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện xây dựng và áp dụng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại Uỷ ban nhân dân xã Yết Kiêu

Ké hoạch số 94/KH-UBND ngày 27/3/2026 về Thực hiện mục tiêu chất lượng của UBND xã năm 2026

Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 27/3/2026 về việc kế hoạch thực hiện các hành động giải quyết rủi ro và cơ hội năm 2026, làm cơ sở để chủ động nhận diện, kiểm soát các yếu tố có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện mục tiêu chất lượng.

- Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 14/5/2026 về việc tập huấn, phổ biến kiến thức về áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 năm 2026.

- Quyết định số 1744/QĐ-UBND, ngày 07/10/2026 về Về việc ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ tài liệu thuộc Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015

- Để đánh giá mức độ phù hợp, hiệu lực và hiệu quả của Hệ thống, UBND xã đã ban hành Quyết định số 1759/QĐ-UBND, ngày 02/10/2026 về việc thành lập đoàn đánh giá chất lượng nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 của UBND xã Yết Kiêu năm 2026; Kế hoạch số 01/KH-BCĐ, ngày 02/10/2026 về đánh giá nội bộ

- Quyết định số 2365 /QĐ-UBND, ngày 30/10/2026 về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015.

II. Kết quả xây dựng, áp dụng duy trì và cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại cơ quan

1. Kết quả việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015:

1.1. Phạm vi áp dụng:

Kết quả xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001: 2015 đối với hoạt động liên quan đến thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị đảm bảo bao trùm 100% TTHC theo quy định.

Các phòng chuyên môn của UBND xã, cán bộ, công chức được phổ biển và hiểu về chính sách chất lượng và thực hiện theo chính sách chất lượng theo tiêu chuẩn ISO đã phê duyệt ban hành. 100% các phòng chuyên môn của UBND xã, cán bộ, công chức được phổ biển và hiểu về mục tiêu chất lượng, kế hoạch thực hiện mục tiêu và triển khai thực hiện theo mục tiêu, kế hoạch thực hiện mục tiêu đã xây dựng và phê duyệt.

UBND xã đã đảm bảo niêm yết, công khai 100% TTHC và chính sách chất lượng, mục tiêu chất lượng, bản công bố HTQLCL tại Trung tâm phục vụ hành chính công của UBND xã và công khai trên các kênh thông tin điện tử.

Số quy trình theo Mô hình khung được xây dựng bao gồm: Mô hình Hệ thống quản lý chất lượng và 04 Hướng dẫn theo Mô hình khung *(kiểm soát tài liệu, kiểm soát hồ sơ, đánh giá nội bộ, kiểm soát sản phẩm không phù hợp, hành động khắc phục, quản lý rủi ro và cơ hội).*

Công tác kiểm soát tài liệu; kiểm soát hồ sơ:

+ Luôn sẵn có và phù hợp để sử dụng khi cần.

+ Được bảo vệ một cách thỏa đáng tránh mất tính bảo mật, sử dụng sai mục đích, mất tính toàn vẹn.

+ Được tạo lập, cập nhật, nhận biết, xem xét và phê duyệt.

+ Được phân phối, tiếp cận, khôi phục và sử dụng.

+ Được lưu trữ, bảo quản bao gồm cả giữ gìn để có thể đọc được.

+ Được cập nhật và kiểm soát khi có các thay đổi các VBQPPL.

Số quy trình giải quyết các TTHC được xây dựng: Đảm bảo 100% các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của UBND xã được xây dựng thành quy trình ISO (Có danh mục kèm theo báo cáo).

1.2. Hoạt động phổ biến, hướng dẫn áp dụng hệ thống tài liệu, quy trình giải quyết công việc cho toàn bộ công chức trong phạm vi xây dựng và áp dụng HTQLCL:

UBND xã xây dựng và ban hành kế hoạch tổ chức các nội dung tập huấn và phổ biến các kiến thức về tiêu chuẩn ISO cũng như hướng dẫn cách thức xây dựng, hoàn thiện các tài liệu và ban hành áp dụng. Đồng thời căn cứ theo kế hoạch chung của Sở KH&CN hàng năm để bố trí cán bộ, công chức phụ trách tham gia các khóa đào tạo, tập huấn nâng cao nghiệp vụ về ISO cho đơn vị.

1.3 Sự tuân thủ của cơ quan đối với tất cả các yêu cầu của TCVN ISO 9001:2015 về chính sách, mục tiêu, quy trình, thủ tục, các quy định pháp luật có liên quan khác:

Căn cứ vào kết quả của công tác đánh giá chất lượng nội bộ vừa qua tại cơ quan thì nhìn chung thì cả các yêu cầu của TCVN ISO 9001:2015 về chính sách, mục tiêu, quy trình, thủ tục, các quy định pháp luật có liên quan khác đều cơ bản được đáp ứng. Chính sách chất lượng và mục tiêu chất lượng được xây dựng, phê duyệt phát hành và niêm yết công khai. Các quy trình ISO liên quan đến việc tiếp nhận và xử lý các thủ tục hành chính được xây dựng đồng bộ và đã được ban hành chính thức đưa vào áp dụng. Đảm bảo cập nhật danh sách về số lượng cũng như các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

Trong năm 2026 vừa qua việc vận hành chính quyền địa phương hai cấp mới đi vào thực hiện nên còn nhiều vấn đề tồn tại. Công chức kiêm nhiều nhiệm vụ chuyên môn nên công tác triển khai ISO đôi khi còn chưa kịp thời và đúng tiến độ đề ra. Nhưng nêu cao tinh thần trách nhiệm trong triển khai và thực thi công vụ thì các vấn đề khó khăn trong ISO đã dần được tháo gỡ và xử lý, làm nền tảng căn cứ cho việc duy trì HTQLCL trong thời gian tiếp theo

1.4 Việc thực hiện các qúa trình giải quyết công việc và các quá trình được xác định trong HTQLCL:

UBND xã định kỳ rà soát và cập nhật danh mục các TTHC thuộc thẩm quyền cũng như thường xuyên có báo cáo về tình hình tiếp nhận giải quyết TTHC liên quan. Công tác tiếp nhận xử lý các thủ tục hành chính cơ bản đảm bảo theo các quy trình ISO, và các quy định có liên quan khác. Tỉ lệ hồ sơ tiếp nhận và xử lý trực tuyến của đơn vị ở mức cao, đáp ứng các yêu cầu mục tiêu.

Các quá trình chính được xác định trong HTQLCL tập trung chính vào các thủ tục hành chính và cơ bản đã được xây dựng theo hướng quy trình hóa từng TTHC liên quan. Tạo điều kiện cho việc nghiên cứu thực hiện và vận hành HTQLCL được tốt nhất.

1.5 Hoạt động xem xét của lãnh đạo và hoạt động đánh giá nội bộ, thực hiện khắc phục các điểm không phù hợp:

Đã được thực hiện đầy đủ và thiết lập các hồ sơ liên quan, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định và quy trình thực hiện.

1.6 Hoạt động xử lý các khiếu nại liên quan đến lĩnh vực áp dụng HTQLCL:

Trong năm 2026 tính đến thời điểm báo cáo UBND xã chưa nhận được khiếu nại nào của Tổ chức/cá nhân, công dân liên quan đến quá trình giải quyết

các thủ tục hành chính và liên quan đến việc áp dụng, duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001.

1.7 Hoạt động cải tiến trong HTQLCL:

Các TTHC đã được chuẩn hoá xây dựng thành quy trình ISO, được phê duyệt và bước đầu đưa vào áp dụng, trong quá trình triển khai áp dụng đã đảm bảo 100% các hồ sơ phát sinh được giải quyết tuân thủ theo đúng thành phần hồ sơ quy định, trình tự giải quyết, thời gian giải quyết. Lãnh đạo các phòng ban đơn vị và UBND xã thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tuân thủ, áp dụng theo quy trình trong việc giải quyết TTHC. Cán bộ công chức thực hiện nhiệm vụ luôn thực hiện đúng đủ các nội dung triển khai.

2. Việc tuân thủ các quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg

2.1 Bảm bảo sự tham gia của Lãnh đạo, các đơn vị và cá nhân có liên quan trong quá trình xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng:

- Chủ tịch UBND xã đã ban hành quyết định thành lập Ban chỉ đạo xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 (Gọi tắt là Ban chỉ đạo ISO) giao nhiệm vụ cho các thành viên trong Ban chỉ đạo ISO triển khai các công việc có liên quan để đảm bảo quá trình xây dựng, áp dụng có hiệu lực và hiệu quả. Đảm bảo tất cả các phòng ban chuyên môn đều tham gia vào quá trình áp dụng và duy trì HTQLCL *(Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 30/8/2026 về việc Thành lập Ban chỉ đạo ISO).*

2.2 Người đứng đầu cơ quan xác nhận hiệu lực của HTQLCL:

Sau khi thực hiên hoàn thiện các nội dung về đánh giá chất lượng nội bộ và cuộc họp xem xét của lãnh đạo về HTQLCL áp dụng tại UBND xã. Chủ tịch UBND xã đã ký văn bản xác nhận hiệu lực của HTQLCL theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại đơn vị, làm căn cứ cho việc thực hiện Công bố phù hợp tiếp theo.

2.3 Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015:

Theo kế hoạch triển khai UBND xã tiến hành công bố HTQLCL phù hợp với Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 theo đúng trình tự quy định. Đảm bảo niêm yết bản công bố mới tại trụ sở cơ quan và trên các kênh thông tin điện tử *(Quyết định số 1617/QĐ-UBND, ngày 11/11/2026 về việc Công bố HTQLCL phù hợp với Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015).*

2.4 Việc cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào HTQLCL:

Tính đến thời điểm báo cáo, UBND xã đã rà soát số lượng các TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, xử lý và giải quyết là khoảng 348 TTHC. Đồng

thời UBND xã cũng đã triển khai xây dựng 348 Quy trình ISO tương ứng. Quá trình triển khai xây dựng và ban hành các quy trình giải quyết TTHC đã cập nhật đầy đủ tất cả các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định liên quan đến xử lý công việc tương ứng. Đảm bảo tính hiện hành của các căn cứ pháp lý cũng như tài liệ viện dẫn liên quan.

2.5 Việc công bố lại khi có sự điều chỉnh, mở rộng, thu hẹp phạm vi áp dụng HTQLCL:

-Trong năm 2026 vừa qua tính đến thời điểm hiện tại thì bộ TTHC của thành phố công bố đã có sự thay đổi điều chỉnh ở một số lĩnh vực chuyên môn. Theo kết quả rà soát cập nhật các TTHC đến khoảng tháng 11/2026 thì UBND xã đã kịp thời cập nhật và ban hành hệ thống các quy trình ISO mới cho phù hợp thực tế. Theo kế hoạch duy trì đã được phê duyệt ban hành, UBND xã tiến hành công bố HTQLCL phù hợp với Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 theo đúng quy định và trình tự thủ tục. Đảm bảo niêm yết bản công bố mới tại trụ sở cơ quan và trên các kênh thông tin điện tử.

2.6 Việc lựa chọn tổ chức tư vấn:

UBND xã phối hợp với tổ chức tư vấn/chuyên gia tư vấn để hướng dẫn triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến công tác duy trì áp dụng và cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

III. Nhận xét, đánh giá

1. Nhận xét, đánh giá về hiệu quả của việc áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại cơ quan:

- Việc duy trì áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 là một công cụ quản lý rất tiên tiến, mang lại hiệu quả thiết thực cho hoạt động của UBND xã, đặc biệt là có ý nghĩa quan trọng đối với công tác cải cách hành chính và là nền tảng cho việc chuẩn hoá, tích hợp trong việc ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết thủ tục hành chính trên phần mềm dịch vụ công.

- Phạm vi áp dụng bao gồm toàn bộ hoạt động liên quan đến thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã đảm bảo 100% các TTHC được xây dựng và đưa vào áp dụng HTQLCL. Việc xây dựng, áp dụng HTQLCL trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính tại UBND xã đảm bảo chuẩn hóa được thời gian, việc tiếp nhận hồ sơ đơn giản, không có sự sai sót, thiếu, thừa hồ sơ. Việc rà soát, cập nhật danh mục tài liệu có nguồn gốc bên ngoài: các bộ phận lập danh mục tài liệu có nguồn gốc ngoài và theo dõi cập nhật thường xuyên khi có sự thay đổi.

- Công việc quản lý, điều hành của lãnh đạo, các cán bộ, công chức chuyên môn: Việc quản lý hiệu quả hơn, chủ động trong các công việc, Lãnh đạo UBND xã luôn chỉ đạo điều hành bám sát việc triển khai thực hiện áp dụng HTQLCL của UBND xã, Lãnh đạo UBND xã kiểm tra nhắc nhở các công chức thực hiện theo quy trình.

- Áp dụng và duy trì HTQLCL theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 nhằm tạo sự gắn kết với việc thực hiện quy chế "một cửa", "một cửa liên thông": toàn bộ các TTHC được giải quyết đều áp dụng theo quy chế "Một cửa", "Một cửa liên thông" qua phần mềm một cửa, đảm bảo đúng theo Nghị định 61/2018/NĐ-CP và Thông tư 01/2018/TT-VPCP. Góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác Cải cách thủ tục hành chính tại đơn vị.

- Duy trì HTQLCL theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 một cách hiệu lực mang lại cho UBND xã nhiều lợi ích, nâng cao được hình ảnh của cơ quan hành chính nhà nước đối với người dân. Nâng cao tinh thần phục vụ và chủ động trong mọi tình huống. Đóng góp cho công tác xây dựng và vận hành hiệu quả chính quyền địa phương hai cấp trong giai đoạn mới cũng như trong công tác phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

2. Thuận lợi, vấn đề còn tồn tại trong việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015:

Thuận lợi:

- UBND thành phố đã có kế hoạch về việc tiếp tục triển khai áp dụngTiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 trên địa bàn toàn thành phố, đồng thời thường xuyên tổ chức các nội dung tập huấn nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ ISO ở cơ sở.

- Lãnh đạo UBND xã quan tâm chỉ đạo sát sao tới các các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan trong quá trình xây dựng và áp dụng Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015, đồng thời đã thành lập Ban chỉ đạo ISO và phân công lãnh đạo cơ quan, đơn vị và các nhân liên quan thực hiện áp dụng Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại đơn vị.

- Cán bộ công chức các phòng ban chuyên môn tham gia đầy đủ và tích cực trong việc xây dựng, áp dụng Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

Tồn tại, khó khăn:

- Chính quyền địa phương hai cấp mới đi vào vận hành do vậy thời gian thực tế triển khai áp dụng còn ngắn chưa đảm bảo đầy đủ và chi tiết cho việc xây dựng áp dụng Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

- Cán bộ phụ trách, thư ký ISO/Cơ quan thường trực là người kiêm nhiệm nhiều nội dung công việc chuyên môn. Do vậy, việc theo dõi, triển khai xây dựng, áp dụng Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 chưa được đầy đủ và kịp thời.

IV. Đề xuất, kiến nghị

Trong gian tới, để đảm bảo việc áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng tổng thể theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại UBND xã đạt hiệu quả thiết thực và gắn kết với công tác cải cách hành chính ở cơ sở. UBND xã đề xuất một số nội dung như sau:

Sở KH&CN tiếp tục quan tâm, tham mưu bố trí các nguồn lực về chuyên môn, tài chính để đảm bảo các nội dung triển khai duy trì thực hiện HTQLCL tổng thể tại các cơ quan đã triển khai áp dụng thí điểm trong những năm tiếp theo được đầy đủ và hiệu lực

Đẩy mạnh tổ chức các nội dung đào tạo, tập huấn và tuyên truyền phổ biến về Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001 thực tế để nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ trực tiếp thực hiện công tác ISO tại cơ sở để đảm bảo hiệu lực thực hiện được duy trì và đảm bảo chất lượng.

Định kỳ hàng năm xem xét phân bổ kinh phí cho việc duy trì, áp dụng và cải tiến HTQLCL tại các đơn vị, cơ quan hành chính nhà nước trên toàn thành phố để đảm bảo tính đồng bộ và nâng cao hiệu quả áp dụng triển khai ISO 9001:2015.

UBND xã gắn việc triển khai thực hiện duy trì áp dụng HTQLCL tại UBND; xã trở thành nhiệm vụ công tác thường xuyên định kỳ hàng năm. Đưa việc duy trì, cải tiến HTQLCL theo ISO 9001 ưu tiên vào trong các kế hoạch hoạt động, mục tiêu định kỳ của các cơ quan, đơn vị liên quan.

Trên đây là Báo cáo kết quả áp dụng, duy trì, cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 của Uỷ ban nhân dân xã Yết Kiêu./.

Nơi nhận:
- Sở KH&CN;
- Chi cục TCĐLCL;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VP; Ban ISO.

CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ YẾT KIÊU T.P HẢI PHÒNG

Phạm Thị Thu

DANH MỤC KIỂM SOÁT
TÀI LIỆU THUỘC HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
PHẦN 1: QUY TRÌNH HỆ THỐNG			
1	Chính sách chất lượng	CSCL	
2	Mục tiêu chất lượng	MTCL	
3	Mô hình Hệ thống quản lý chất lượng	MHHTQL	
4	Hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản	HD.01	
5	Hướng dẫn Quản lý rủi ro và cơ hội (phương pháp định tính)	HD.02	
6	Hướng dẫn đánh giá nội bộ	HD.03	
7	Hướng dẫn kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục	HD.04	
8	Họp xem xét lãnh đạo	TQ.05	
PHẦN 2: QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH			
A. TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG			
1	Quy trình tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính	QT.TTHCC.01	
2	Quy trình trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính	QT.TTHCC.02	
B. PHÒNG KINH TẾ			
I	**LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ**		
1.	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	QT.ĐB.01	
2.	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	QT.ĐB.02	
3.	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ;	QT.ĐB.03	

	chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ		
4.	Chấp thuận vị trí đấu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	QT.ĐB.04	
II	**LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**		
1.	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.HĐXD.01	
2.	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.HĐXD.02	
3.	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.HĐXD.03	
4.	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.HĐXD.04	
5.	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.HĐXD.05	
6.	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến	QT.HĐXD.06	

	trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ		
7.	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	QT.HĐXD.07	
III	**QUY HOẠCH NÔNG THÔN VÀ KIẾN TRÚC**		
1.	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT.QHĐT&KT.01	
2.	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	QT.QHĐT&KT.02	
3.	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	QT.QHĐT&KT.03	
4.	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	QT.QHĐT&KT.04	
5.	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	QT.QHĐT&KT.05	
IV	**LĨNH VỰC BẢO HIỂM**		
1.	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	QT.BHNN.01	
V	**LĨNH VỰC THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ VỀ MÔI TRƯỜNG**		
1.	Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải	QT.TPvLP.01	
2.	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	QT.TPvLP.02	
VI	**LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN**		
1.	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	QT.QLCS.01	
2.	Thanh toán chi phí liên quan đến xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	QT.QLCS.02	
3.	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	QT.QLCS.03	

4.	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	QT.QLCS.04	
VII	**LĨNH VỰC TÀI CHÍNH ĐẤT ĐAI**		
1.	Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư	QT.TCĐ.01	
2.	Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	QT.TCĐ.02	
3.	Tính hoặc tính lại tiền sử dụng đất theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 điều 12 Nghị định số 50/2026/nđ-Cp ngày 31/01/2026 của Chính Phủ	QT.TCĐ.03	
VIII	**TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CHỢ DO NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ, QUẢN LÝ**		
1.	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	QT.KCHTC.01	
2.	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	QT.KCHTC.02	
IX	**LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC**		
1.	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	QT.HTX.01	
2.	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	QT.HTX.02	
3.	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.03	
4.	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.04	
5.	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.05	
6.	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	QT.HTX.06	
7.	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.07	
8.	Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.08	
9.	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	QT.HTX.09	
10.	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	QT.HTX.10	

11.	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	QT.HTX.11	
12.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	QT.HTX.12	
13.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	QT.HTX.13	
14.	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	QT.HTX.14	
15.	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	QT.HTX.15	
16.	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	QT.HTX.16	
17.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.17	
18.	Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	QT.HTX.18	
19.	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	QT.HTX.19	
20.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	QT.HTX.20	
21.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	QT.HTX.21	
22.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh	QT.HTX.22	

	doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã		
23.	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.23	
24.	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.24	
25.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	QT.HTX.25	
26.	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.26	
27.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.27	
28.	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.HTX.28	
X	**THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP**		
1.	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	QT.TLDN.01	
2.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	QT.TLDN.02	
3.	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	QT.TLDN.03	
4.	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	QT.TLDN.04	
5.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	QT.TLDN.05	
6.	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	QT.TLDN.06	
7.	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	QT.TLDN.07	
XI	**BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG**		
1.	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên	QT.BVQLNTD.01	
XII	**CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG**		
1.	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã	QT.CNĐP.01	

XIII	**CHĂN NUÔI**		
1.	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liều tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	QT.CN.01	
2.	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	QT.CN.02	
XIV	**LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**		
1.	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	QT.KTHTPTNN.01	
2	Đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP	QT.KTHTPTNN.02	
XV	**LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI**		
1.	Hòa giải tranh chấp đất đai	QT.ĐĐ.01	
2.	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	QT.ĐĐ.02	
3.	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	QT.ĐĐ.03	
4.	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	QT.ĐĐ.04	
5.	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	QT.ĐĐ.05	
6.	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với	QT.ĐĐ.06	

	trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận		
7.	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.	QT.ĐĐ.07	
8.	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	QT.ĐĐ.08	
9.	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất	QT.ĐĐ.09	
10.	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	QT.ĐĐ.10	
11.	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bàn giao đất trên thực địa	QT.ĐĐ.11	
12.	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	QT.ĐĐ.12	
13.	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	QT.ĐĐ.13	
14.	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	QT.ĐĐ.14	
15.	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.	QT.ĐĐ.15	
XVI	**LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI**		
1.	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	QT.QLDDvPCTT.01	
2.	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa	QT.QLDDvPCTT.02	

	tham gia bảo hiểm xã hội		
XVII	**LĨNH VỰC THÚ Y**		
1.	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	QT.THU Y.01	
XVIII	**LĨNH VỰC ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRÀN DẦU**		
1.	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với các cơ sở, cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên đất liền, trên sông, trên biển.	QT.UPSCTD.01	
XIX	**LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG; BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC**		
1.	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (Cấp Xã)	QT.MT.01	
2.	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã)	QT.MT.02	
XX	**LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC**		
1.	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	QT.TNN.01	
XXI	**LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT**		
1.	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	QT.TrTr.01	
2.	Cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói	QT.TrTr.02	
XXII	**LĨNH VỰC THỦY LỢI**		
1.	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	QT.TL.01	
2.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT.TL.02	
3.	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	QT.TL.03	
4.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT.TL.04	

XXIII	**LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO**		
1.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm (áp dụng đến hết ngày 31/12/2026)	QT.GN.01	
2.	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm (áp dụng đến hết ngày 31/12/2026)	QT.GN.02	
3.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm (áp dụng đến hết ngày 31/12/2026)	QT.GN.03	
4.	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	QT.GN.04	
5.	Công nhận người lao động có thu nhập thấp (áp dụng đến hết ngày 31/12/2026)	QT.GN.05	
6.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hằng năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030	QT.GN.06	
7.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trong năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030	QT.GN.07	
XXIV	**LĨNH VỰC ĐIỆN LỰC**		
1.	Thông báo phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ đấu nối với hệ thống điện quốc gia tại cấp điện áp hạ áp	QT.ĐL.01	
C. PHÒNG VĂN HÓA – XÃ HỘI			
I	**LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI**		
1.	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	QT.BTXH.01	
2.	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	QT.BTXH.02	
3.	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	QT.BTXH.03	
4.	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	QT.BTXH.04	
5.	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	QT.BTXH.05	
6.	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	QT.BTXH.06	
7.	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	QT.BTXH.07	
8.	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	QT.BTXH.08	
9.	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	QT.BTXH.09	

10.	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	QT.BTXH.10	
II	**LĨNH VỰC DÂN SỐ, BÀ MẸ - TRẺ EM**		
III	**PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI**		
1.	Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện	QT.TNXH.01	
2.	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT.TNXH.02	
3.	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT.TNXH.03	
4.	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	QT.TNXH.04	
5.	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QT.TNXH.05	
IV	**LĨNH VỰC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG**		
1.	Đề nghị xét tặng Danh hiệu "Thầy thuốc Nhân dân", "Thầy thuốc Ưu tú"	QT.TĐKT.01	
2.	Xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	QT.TĐKT.02	
3.	Xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	QT.TĐKT.03	
V	**LĨNH VỰC TRẺ EM**		
1.	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	QT.TE.01	
2.	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	QT.TE.02	
3.	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	QT.TE.03	
4.	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	QT.TE.04	
5.	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị	QT.TE.05	

	xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt		
6.	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	QT.TE.06	
VI	**LĨNH VỰC GIA ĐÌNH**		
1.	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	QT.GĐ.01	
2.	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	QT.GĐ.02	
VII	**PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ**		
1.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.ĐT.01	
2.	Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.ĐT.02	
3.	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.ĐT.03	
4.	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.ĐT.04	
VIII	**LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO, VĂN HÓA; DI SẢN VĂN HÓA**		
1.	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	QT.VH.01	
2.	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	QT.VH.02	
3.	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	QT.TDTT.01	
4.	Thủ tục hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	QT.DSVH.01	
5.	Thủ tục thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	QT.DSVH.02	
IX	**LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG**		

1.	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	QT.NCC.01	
2.	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	QT.NCC.02	
3.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	QT.NCC.03	
4.	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ.	QT.NCC.04	
5.	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT.NCC.05	
6.	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền nam hoạt động sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	QT.NCC.06	
7.	Thăm viếng mộ liệt sĩ.	QT.NCC.07	
8.	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý	QT.NCC.08	
9.	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	QT.NCC.09	
10.	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT.NCC.10	
11.	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	QT.NCC.11	
12.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	QT.NCC.12	
13.	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	QT.NCC.13	
14.	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ.	QT.NCC.14	

15.	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	QT.NCC.15	
16.	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	QT.NCC.16	
17.	Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ	QT.NCC.17	
18.	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng	QT.NCC.18	
19.	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	QT.NCC.19	
20.	Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	QT.NCC.20	
21.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác	QT.NCC.21	
22.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	QT.NCC.22	
23.	Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an	QT.NCC.23	
24.	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	QT.NCC.24	
25.	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	QT.NCC.25	
26.	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	QT.NCC.26	
27.	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT.NCC.27	
28.	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	QT.NCC.28	

29.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	QT.NCC.29	
30.	Thủ tục "Giải quyết chế độ mai táng phí đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế"	QT.NCC.30	
X	**QUẢN LÝ LAO ĐỘNG NGOÀI NƯỚC; LĨNH VỰC HỘI QUỸ**		
1.	Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	QT.QLLĐNN.01	
2.	Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	QT.QLNN.HQ.01	
3.	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	QT.QLNN.HQ.02	
4.	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	QT.QLNN.HQ.03	
5.	Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	QT.QLNN.HQ.04	
6.	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	QT.QLNN.HQ.05	
7.	Công nhận ban vận động thành lập hội	QT.QLNN.HQ.06	
8.	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	QT.QLNN.HQ.07	
9.	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng quản lý quỹ	QT.QLNN.HQ.08	
10.	Hội tự giải thể	QT.QLNN.HQ.09	
11.	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	QT.QLNN.HQ.10	
12.	Thành lập hội	QT.QLNN.HQ.11	
13.	Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội	QT.QLNN.HQ.12	
14.	Quỹ tự giải thể	QT.QLNN.HQ.13	
15.	Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	QT.QLNN.HQ.14	
16.	Hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	QT.QLNN.HQ.15	
XI	**LĨNH VỰC VIỆC LÀM**		

1.	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động.	QT.VL.01	
2.	Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh.	QT.VL.02	
XII	**LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO**		
1.	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức trong một xã	QT.TNTG.01	
2.	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	QT.TNTG.02	
3.	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã	QT.TNTG.03	
4.	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác (cấp xã)	QT.TNTG.04	
5.	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã)	QT.TNTG.05	
6.	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã)	QT.TNTG.06	
7.	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	QT.TNTG.07	
8.	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã (cấp xã)	QT.TNTG.08	
9.	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	QT.TNTG.09	
XIII	**LĨNH VỰC CÔNG TÁC DÂN TỘC**		
1.	Công nhận người có uy tín	QT.DT.01	
2.	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT.DT.02	
XIV	**CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC**		
1.	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	QT.CSGD.01	
2.	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động	QT.CSGD.02	

	trở lại		
3.	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	QT.CSGD.03	
4.	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	QT.CSGD.04	
5.	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	QT.CSGD.05	
6.	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	QT.CSGD.06	
7.	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa	QT.CSGD.07	
XV	**LĨNH VỰC GIÁO DỤC MẦM NON**		
1.	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT.GDMN.01	
2.	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT.GDMN.02	
3.	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT.GDMN.03	
4.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	QT.GDMN.04	
5.	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	QT.GDMN.05	
XVI	**LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**		
1.	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	QT.GDNN.01	
2.	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	QT.GDNN.02	
XVII	**GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN**		
1.	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập	QT.GDTX.01	

	cộng đồng		
2.	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	QT.GDTX.02	
3.	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	QT.GDTX.03	
4.	Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	QT.GDTX.04	
XVIII	**GIÁO DỤC TIỂU HỌC**		
1.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	QT.GDTH.01	
2.	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	QT.GDTH.02	
3.	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	QT.GDTH.03	
4.	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	QT.GDTH.04	
5.	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	QT.GDTH.05	
6.	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	QT.GDTH.06	
XIX	**GIÁO DỤC TRUNG HỌC**		
1.	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT.GDTrH.01	
2.	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	QT.GDTrH.02	
3.	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	QT.GDTrH.03	
4.	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	QT.GDTrH.04	
5.	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	QT.GDTrH.05	
6.	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	QT.GDTrH.08	
7.	Tuyển sinh trung học cơ sở	QT.GDTrH.09	

8.	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	QT.GDTrH.10	
9.	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở.	QT.GDTrH.11	
XX	**GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN; KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG**		
1.	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT.GD&ĐT.01	
2.	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	QT.GD&ĐT.02	
3.	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	QT.GD&ĐT.03	
4.	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	QT.GD&ĐT.04	
5.	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	QT.GD&ĐT.05	
6.	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	QT.GD&ĐT.06	
7.	Xét, cấp học bổng chính sách đối với học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục dành cho thương binh, n người khuyết tật	QT.GD&ĐT.07	
8.	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	QT.GD&ĐT.08	
9.	Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT.GD&ĐT.09	
10.	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	QT.GD&ĐT.10	
11.	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	QT.GD&ĐT.11	
12.	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	QT.GD&ĐT.12	

13.	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	QT.GD&ĐT.13	
14.	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	QT.GD&ĐT.14	
15.	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục	QT.GD&ĐT.15	
16.	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục	QT.GD&ĐT.16	
17.	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước	QT.GD&ĐT.17	
18.	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	QT.GD&ĐT.18	
19.	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục; cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	QT.GD&ĐT.19	
XXI	**VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ**		
1.	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	QT.VBCC.01	
2.	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	QT.VBCC.02	
XXII	**LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO**		
1.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	QT.GN.01	
2.	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	QT.GN.02	
3.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	QT.GN.03	
4.	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	QT.GN.04	
5.	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	QT.GN.05	

XXIII	**LĨNH VỰC CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**		
1.	Thủ tục tiếp nhận vào viên chức không giữ chức vụ quản lý	QT.CCVC.01	
2.	Thủ tục thi tuyển Viên Chức (Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)	QT.CCVC.02	
3.	Thủ tục xét tuyển Viên chức (Nghị định số 85/2023/NĐ-CP)	QT.CCVC.03	
D. VĂN PHÒNG HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN			
I	**PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT; HÒA GIẢI CƠ SỞ**		
1.	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	QT.PBPL.01	
2.	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	QT.PBPL.02	
3.	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	QT.PBPL.03	
4.	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	QT.PBPL.04	
5.	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	QT.PBPL.05	
II	**BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC**		
1.	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	QT.BTNN.01	
III	**LĨNH VỰC CHỨNG THỰC**		
1.	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT.CT.01	
2.	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	QT.CT.02	
3.	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT.CT.03	
4.	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	QT.CT.04	
5.	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT.CT.05	
6.	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT.CT.06	
7.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng,	QT.CT.07	

	giao dịch		
8.	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT.CT.08	
9.	Thủ tục chứng thực di chúc	QT.CT.09	
10.	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	QT.CT.10	
11.	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	QT.CT.11	
12.	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	QT.CT.12	
13.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QT.CT.13	
IV	**LĨNH VỰC HỘ TỊCH**		
1.	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT.HT.01	
2.	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	QT.HT.02	
3.	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	QT.HT.03	
4.	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	QT.HT.04	
5.	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	QT.HT.05	
6.	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT.HT.06	
7.	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT.HT.07	
8.	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT.HT.08	
9.	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT.HT.09	
10.	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT.HT.10	

11.	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT.HT.11	
12.	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.HT.12	
13.	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	QT.HT.13	
14.	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	QT.HT.14	
15.	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT.HT.15	
16.	Đăng ký giám sát việc giám hộ	QT.HT.16	
17.	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT.HT.17	
18.	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT.HT.18	
19.	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT.HT.19	
20.	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT.HT.20	
21.	Thủ tục đăng ký khai tử	QT.HT.21	
22.	Đăng ký lại khai tử	QT.HT.22	
23.	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	QT.HT.23	
24.	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	QT.HT.24	
25.	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	QT.HT.25	
26.	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT.HT.26	
27.	Thủ tục đăng ký kết hôn	QT.HT.27	
28.	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT.HT.28	
29.	Thủ tục đăng ký khai sinh	QT.HT.29	
30.	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT.HT.30	
31.	Thủ tục đăng ký giám hộ	QT.HT.31	
32.	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	QT.HT.32	

33.	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.HT.33	
34.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QT.HT.34	
35.	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	QT.HT.35	
36.	Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất	QT.HT.36	
37.	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	QT.HT.37	
38.	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT.HT.38	
39.	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT.HT.39	
40.	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT.HT.40	
41.	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT.HT.41	
V	**LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI**		
1.	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.NCN.01	
2.	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	QT.NCN.02	
3.	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	QT.NCN.03	
4.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	QT.NCN.04	
5.	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	QT.NCN.05	
VI	**GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG, XỬ LÝ ĐƠN THƯ; THANH TRA**		
1.	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	QT.KNTC.01	

2.	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	QT.KNTC.02	
3.	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập	QT.PCTN.01	
4.	Thủ tục thực hiện việc giải trình	QT.PCTN.02	
5.	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình	QT.PCTN.03	
6.	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập	QT.PCTN.04	
7.	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	QT.TCD.01	
8.	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	QT.XLĐT.01	
VII	**LĨNH VỰC TIẾP CẬN THÔNG TIN**		
1.	Thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu (dành cho cá nhân)	QT.TCTT.01	
2.	Thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu (dành cho công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp)	QT.TCTT.02	